

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Jtec Hà Nội tại Văn bản số 1012/CV-JTEC ngày 10/12/2024 về việc đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện” tại Lô P-14 (Lô I-12 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và các tài liệu có liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường tại Báo cáo số:46/BC-XDMT ngày 15/04/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Jtec Hà Nội, địa chỉ trụ sở chính: Lô P-14 (Lô I-12 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: “Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất bộ dây truyền dẫn điện.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô P-14 (Lô I-12 theo Quyết định số 4477/QĐ-UBND ngày 28/8/2014), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 0102331191 đăng ký lần đầu ngày 18/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/09/2023, nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

1.4. Mã số thuế: 0102331191.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bộ dây truyền dẫn điện; Gia công, thiết kế và triển khai bản vẽ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và tương đương dự án đầu tư nhóm I (theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Diện tích đất: 18.145 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số B0 888624 ngày 03/6/2014).

- Công suất:

+ Sản xuất bộ dây truyền dẫn điện: 1.000.000 sản phẩm/năm.

+ Gia công, thiết kế và triển khai bản vẽ: 900.000.000 đồng/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Jtec Hà Nội:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Jtec Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Đông Anh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND huyện Đông Anh;
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty TNHH KCN Thăng Long (để biết);
- Công ty TNHH Jtec Hà Nội;
- Phòng KHĐT, QLDN (để ph/h);
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đinh Trần Quân

Phụ lục 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải: Cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất.

+ Nguồn thải số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh số 01 tại khu nhà xưởng sản xuất;

+ Nguồn thải số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh số 02 tại khu nhà xưởng sản xuất;

+ Nguồn thải số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh số 03 tại khu vực văn phòng;

+ Nguồn thải số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh số 04 tại khu vực nhà ăn;

+ Nguồn thải số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ chậu rửa khu vực nhà ăn.

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng thuê đất và sử dụng tiện ích số TLIP-UA-050 ngày 01/8/2007 với Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long (là chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Thăng Long và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1 Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 01 tại khu nhà xưởng sản xuất → Đường ống PVC D110 (L=10m) → Hố bơm số 1 (kích thước 800x800mm) → Đường ống PVC D110 (L= 90m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V= 64m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn thải số 02 và số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 02 và số 03 tại khu nhà xưởng sản xuất → Đường ống PVC D110 (L=125m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800mm) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V= 64m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn thải số 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 04 tại khu vực nhà ăn → Đường ống PVC D110 (L=26m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800mm) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V= 64m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

+ Nguồn thải số 05: Nước thải sinh hoạt từ chậu rửa khu vực nhà ăn → Đường ống PVC D150 (L=11m) → Hồ bơm số 2 (kích thước 800x800mm) → Đường ống PVC D110 (L= 12m) → Bể tự hoại 3 ngăn (V= 64m³) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

Toàn bộ nước thải từ các nguồn thải số 01 đến số 05, sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm sẽ tự chảy theo đường ống PVC D110 (L= 5m) dẫn ra hố ga đầu nổi (kích thước = 600x2.000x1.700mm) và cuối cùng chảy vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Thăng Long để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 11.000 m³/ngày đêm. Tọa độ vị trí đầu nổi nước thải: X(m) = 2335577; Y(m) = 579359 (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tách dầu mỡ (1,5 m³) → Bể điều hòa (V= 20 m³) → Bể khử Nito (V= 20 m³) → Bể Nitrat hóa (V= 45 m³) → Bể lắng bùn (V= 6,5 m³) → Bể chứa nước ra (có khử trùng bằng clo viên, V= 3,5 m³) → Hố ga đầu nổi → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol, NaOH, Clo dạng viên nén.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, ống để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý và vận hành theo đúng quy trình, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật; Lập sổ theo dõi, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Trường hợp thiết bị của hệ thống xử lý nước thải hỏng hóc và không thể vận hành, thực hiện thay thế bằng thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục sự cố.

- Trường hợp đường ống thu gom nước thải bị rò rỉ, vỡ do tác động của ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn nước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố.

- Trường hợp sự cố do vận hành, kiểm tra lại quy trình vận hành tại tất cả các công đoạn, điều chỉnh hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn hoạt tính, dinh dưỡng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.4. Công ty TNHH Jtec Hà Nội chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thăng Long để tiếp tục xử lý; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn thải số 01: Khí thải từ máy hàn nhúng số 01.
- Nguồn thải số 02: Khí thải từ máy hàn nhúng số 02.
- Nguồn thải số 03: Khí thải từ máy hàn nhúng số 03.
- Nguồn thải số 04: Khí thải từ máy hàn nhúng số 04.
- Nguồn thải số 05: Khí thải từ máy hàn nhúng số 05.
- Nguồn thải số 06: Khí thải từ máy hàn nhúng số 06.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn thải số 01 đến số 06. Tọa độ xả khí thải: $X(m) = 2335538$; $Y(m) = 579335$ (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°).

Vị trí xả khí thải của dòng khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Jtec Hà Nội tại Lô P-14, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $11.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $11.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả gián đoạn theo chế độ làm việc của cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ ⁽³⁾	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	11.000	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	140 ⁽¹⁾		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO_2)	mg/Nm^3	350 ⁽¹⁾		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ ⁽³⁾	Quan trắc tự động, liên tục
4	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	800 ⁽¹⁾		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680 ⁽¹⁾		

⁽¹⁾: Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT:

Áp dụng hệ số $K_v = 0,7$ đối với các thông số: Bụi tổng, Lưu huỳnh đioxit (SO₂); Hệ số $K_v = 0,8$ đối với thông số: Cacbon oxit (CO); Ni tơ oxit, NO_x (tính theo NO₂).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn thải số 01: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 01 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 01) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 02: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 02 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 02) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 03: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 03 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 03) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 04: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 04 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 04) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 05: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 05 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 05) → đường ống tôn mạ kẽm (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

- Nguồn thải số 06: Khí thải phát sinh từ máy hàn nhúng số 06 → bông lọc than hoạt tính → quạt hút mini (số 06) → đường ống nhánh (D= 200mm) → đường ống chính (kích thước = 30x40cm, L= 30m) → quạt hút tổng (công suất 11.000m³/h) → ống thoát

khí thải (kích thước = 30x40cm, L= 25m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Số lượng: 06 hệ thống.
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Bông lọc than hoạt tính → Quạt hút mini → Đường ống nhánh → Đường ống chính → Quạt hút tổng → Ống thoát khí thải → Môi trường.

- Lưu lượng: 11.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Bông lọc than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, vận hành của hệ thống xử lý khí thải.
- Định kỳ kiểm tra quạt hút, ống dẫn, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.
- Thường xuyên kiểm tra, thay thế vật liệu xử lý (bông lọc than hoạt tính) theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Trang bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hỏng hóc.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian sửa chữa, khắc phục, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải vận hành ổn định (mẫu khí thải sau xử lý đạt yêu cầu) mới cho hoạt động sản xuất trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng từ tháng 04/2025 đến tháng 10/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 06 Hệ thống xử lý khí thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ thăm trên ống thoát khí thải.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số: Theo các nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Tăng cường công tác vệ sinh môi trường, nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7,8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của cơ sở.

3.7. Công ty TNHH Jtec Hà Nội chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG (Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ hoạt động của bộ phận lắp ráp trong xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X(m) = 2335542; Y(m) = 579293.
- Nguồn số 02: Tọa độ X(m) = 2335569; Y(m) = 579352.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Lắp đặt các đệm chống ồn. Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các máy móc thiết bị có khả năng gây

ồn lớn trong cùng một khu vực. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực tiếng ồn lớn như nút tai chống ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy, bảo dưỡng các thiết bị và thay thế các chi tiết bào mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (KS) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin thải	16 01 12	KS	3
2	Linh kiện điện tử thải	16 01 13	NH	200
3	Bao bì kim loại cứng (Bao bì kim loại cứng có chứa thành phần nguy hại)	18 01 02	KS	30
4	Bao bì nhựa cứng (Bao bì nhựa cứng có chứa thành phần nguy hại)	18 01 01	KS	20
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm TPNH	18 02 01	KS	16
	Tổng			269

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải nạo vét từ hệ thống thoát nước mưa	73,75
2	Giấy, bìa carton	20
3	Dây điện, sắt thép	6
4	Băng dính, cao su lưu hóa, gỗ, nilon và nhựa	11,1
	Tổng	110,77

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 70 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích 10lít, 60 lít/thùng. Tất cả các thùng chứa được dán nhãn mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 5m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có kết cấu BTCT, nền bê tông, cửa chống cháy; có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ trong kho.

- Vị trí: Nằm bên trong nhà xưởng sản xuất.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu giữ: Các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng để tại các bộ phận sản xuất, cuối ngày được nhân viên thu gom và đưa về kho lưu chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 21m² (chia làm 02 kho)

+ Kho số 1 diện tích 9m² chứa giấy và bìa carton thải;

+ Kho số 2 diện tích 12m² chứa các CTRCNTT khác.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có kết cấu kết cấu BTCT, nền bê tông, cửa chống cháy. Kho được trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị PCCC theo quy định.

- Vị trí: Nằm trong nhà xưởng sản xuất.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Tại các khu vực phát sinh (văn phòng, bếp, hành lang,...), bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng, có dán tên từng nhóm chất thải để phân loại chất thải. Cuối ngày được nhân viên thu gom và đưa về khu vực lưu chứa.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 2m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu giữ có mái tôn, quây tôn bên ngoài, cửa chống cháy.

- Vị trí: Nằm ở phía cuối nhà xưởng sản xuất của Nhà máy.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định, tần suất thu gom vận chuyển hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp quản lý đối với chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường và các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

6. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT- CNCCN ngày / /2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BVMT. Các thiết bị, hệ thống, công trình, khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Thăng Long (Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long) theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường). Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện việc cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.